

TẠO HỨNG THÚ CHO SINH VIÊN HỌC TIẾNG NGA BẰNG NHÓM DANH TỪ ĐỊA DANH

MOTIVATING STUDENTS TO LEARN RUSSIAN VIA TOPONYMS

Trịnh Thị Tĩnh

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng; ttinh@ufl.udn.vn

Tóm tắt - Địa danh là một loại của danh từ riêng, là một phần không thể thiếu trong kho từ vựng của mỗi ngôn ngữ trên thế giới. Do đó, khi bắt đầu nghiên cứu một ngoại ngữ mới, địa danh là lớp từ không thể không đề cập tới. Nó không chỉ có ý nghĩa về mặt ngữ nghĩa từ vựng, còn mang những giá trị văn hóa, lịch sử, đất nước và con người. Bài báo trình bày về địa danh cũng như ảnh hưởng của địa danh đến việc nghiên cứu tiếng Nga cho sinh viên năm nhất theo giáo trình “Mùa nước Nga/ Русский сезон”. Bên cạnh đó, chúng tôi muốn đề cập tới việc lồng ghép địa danh vào chương trình dạy tiếng Nga cho sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng như một giải pháp tạo cảm hứng cho những người mới bắt đầu học tiếng Nga. Bằng cách này, tác giả mong muốn ngoài việc cung cấp kiến thức nền cho người học, sẽ hình thành tình yêu của người học với nước đất Nga, từ đó người học sẽ có động lực nghiên cứu tiếng Nga.

Từ khóa - địa danh; danh từ riêng; thành ngữ; tiếng Nga; Mùa nước Nga/ русский сезон; phân loại địa danh; cấu tạo địa danh; biến đổi địa danh

1. Giới thiệu

Khi bắt đầu học một ngoại ngữ mới, cũng tương tự như một đứa trẻ bắt đầu tập nói, chúng ta luôn bắt đầu làm quen với các danh từ trước tiên, bao gồm: Tên người, tên vật, tên các dòng sông, con đường, thành phố... trong đó bao gồm cả các địa danh. Nhà địa danh học người Nga, Basic đã từng nói rằng “địa danh là tấm thẻ tra cứu cần thiết khi chúng ta bắt đầu đến một đất nước, thành phố, hay bất cứ vùng đất mới nào” [1, tr.6]. Học ngoại ngữ không đơn thuần chỉ là học ngôn ngữ của đất nước khác mà còn làm quen với lịch sử, văn hóa, địa lý của đất nước đó. Vừa hay địa danh phản ánh đầy đủ các đặc điểm về địa lý, lịch sử, kinh tế và thế giới tinh thần của con người. Điều này cũng không ngoại lệ đối với tiếng Nga.

Địa danh về bản chất là một loại danh từ riêng, có cách viết, cách phát âm đã được chuẩn hóa và được ghi vào từ điển bách khoa toàn thư. Do đó, địa danh là một phần không thể thiếu trong kho từ vựng của mỗi ngôn ngữ trên thế giới. Thuật ngữ *địa danh* có nguồn gốc từ tiếng Hy Lạp là *Toponima* hay *Toponyma* (Τόπος (topos) - *địa điểm* và *ὄνομα* (onyma) - *tên gọi*) - đây là tên gọi địa lý, hay còn gọi là tên riêng của các đối tượng địa lý, như tên của: Đất nước, thành phố, làng quê, biển cả, đại dương, sông, hồ, thung lũng, đường phố, ... [2].

Hiện nay, chưa có sự thống nhất trong cách phân loại địa danh giữa các nhà nghiên cứu. Điều này không chỉ xảy ra với các nhà nghiên cứu địa danh ở Việt Nam, mà còn trên thế giới cũng vậy.

Tuy nhiên, trong bài nghiên cứu này tác giả xin được dựa theo cách phân loại địa danh của nhà địa danh người Nga N.V.Podolskaya. Bà đã chia địa danh thành 9 loại [3], trong mỗi loại lớn bà còn phân ra các loại nhỏ, nhưng tác

Abstract - Toponyms (place names), which belong to a type of proper nouns, form an integral part of the vocabulary of every language in the world. Therefore, when learning a new foreign language, one cannot help ignoring toponyms, which are not only meaningful in terms of lexical semantics, but also bear cultural and historical values associated with countries and people. This article presents toponyms as well as their impact on the study of the Russian language for first-year students according to the coursebook "Russian Seasons/ Русский сезон". Besides, we suggest integrating toponyms into the Russian program taught to first-year Russian majors at The University of Danang, the University of Foreign Language Studies as a solution to inspire beginners of the Russian language. In this way we wish to not only provide students with basic knowledge but also foster their love for the country Russia whereby the students will be motivated to learn Russian.

Key words - toponym; proper noun; idiom; Russian language; Russian seasons; classification of toponyms; structure of toponyms; declension of toponyms

giả chỉ xin đề cập tới những loại chính sau:

1. *Oronyms (sơn danh)*: Tên núi, đồi, hang động, ...;
2. *Khoronyms*: Tên địa phận hành chính, địa phận tự nhiên, ...;
3. *Urbanonyms (phố danh)*: Tên các đối tượng địa lý trong thành phố (quảng trường, đường phố, toà nhà,...);
4. *Dromonyms (đạo danh)*: Tên các đường giao thông trên đất, dưới đất, trên nước, trên không, ...;
5. *Oikonyms (phương danh)*: Tên của thành phố, làng quê, các điểm dân cư, ...;
6. *Gidronyms (thủy danh)*: Tên các dòng chảy, ao, đầm, vịnh, vũng, ...;
7. *Insulonyms*: Tên các hòn đảo;
8. *Agroonyms (điền danh)*: Đất canh tác, đồng ruộng, ...;
9. *Drimonyms (lâm danh)*: Tên rừng, rú, ...;

Trong bài báo này, tác giả muốn chỉ ra tầm quan trọng của địa danh trong chương trình dạy tiếng Nga cho sinh viên năm nhất Khoa tiếng Nga, Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng. Đồng thời thông qua các địa danh, tác giả muốn đem hình ảnh nước Nga đến gần với người học, khơi gợi sự quan tâm, hứng thú ở người học, nhằm tạo động lực để người học nghiên cứu tiếng Nga.

2. Giải quyết vấn đề

Hiện tại, khoa tiếng Nga Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng đang sử dụng giáo trình “Mùa nước Nga/ русский сезон” của nhóm tác giả Nakhabina Maya Mikhailovna, Antonova V.E., Zhaboklitskaya” I.I., Kurlova Irina Vladimirovna, Smirnova Olga Vasilievna, Tolstykh để dạy cho sinh viên năm nhất theo chương trình đào tạo cử nhân tiếng Nga, cũng như cử nhân tiếng Nga du lịch. Do đặc thù ngành học, 100% sinh viên khoa tiếng Nga

khí bắt đầu nhập học hoàn toàn chưa biết tiếng Nga. Giáo trình này bao gồm những kiến thức cơ bản nhất của tiếng Nga, bắt đầu từ bảng chữ cái, cách phát âm, và những kiến thức ngữ pháp cơ bản được bố trí theo hệ thống 1 cách chặt chẽ và logic, và được trình bày trong 14 bài theo các chủ đề khác nhau: 1/ Làm quen; 2/ Nghề nghiệp; 3/ Gia đình; 4/ Bạn bè; 5/ Địa lý; 6/ Thành phố; 7/ Sách yêu thích; 8/ Kế hoạch tương lai; 9/ Sinh học; 10/ Ngày của tôi; 11/ Sinh nhật - Ngày lễ - Quà tặng; 12/ Sở thích; 13/ Học tập - Khoa học; 14/ Thời gian rảnh.

Theo quy định của Bộ Giáo dục và Khoa học Liên bang Nga, mức độ nắm vững tiếng Nga ở trình độ A2 cho người nước ngoài học tiếng Nga là phải có thể tự mua sắm trong cửa hàng, sử dụng các phương tiện giao thông công cộng, thảo luận về thời tiết, trao đổi các vấn đề thường nhật với bạn cùng lớp hoặc giáo viên, ... và khối lượng từ vựng tối thiểu cần phải đạt được là 1300 từ. Trong giáo trình “Mùa nước Nga/ Русский сезон” tác giả đã đưa vào khoảng 156 từ thuộc nhóm từ chỉ địa danh. Điều đó cho thấy, những người viết giáo trình đã dành một sự quan tâm không nhỏ tới lớp từ chỉ địa danh.

Tác giả đã phân chia 156 địa danh thống kê được trong giáo trình theo các loại:

1. **Oronyms - sơn danh (2 từ; 1,3%)**: Эльбрус, Кавказ;

2. **Khoronyms - tên địa phận hành chính, địa phận tự nhiên (34 từ; 22%)**: Россия, Бразилия, Англия, Китай, Америка, Япония, Италия, Германия, Испания, Турция, Швейцария, Нидерланды, Индия, Франция, Польша, Греция, Латвия, Колумбия, Корея, Великобритания, Египет, Эстония, Португалия, Марокко, Канада, Куба, Сенегал, Оймякон, Европа, Сибирь, Антарктида, Африка, Азия, Полярный круг;

3. **Oikonoms - phương danh (52 từ; 33%)**: Вологда, Москва, Калуга, Тула, Кострома, Саратов, Самара, Омск, Томск, Петербург, Париж, Ростов, Суздаль, Лондон, Вашингтон, Нью-Йорк, Рим, Сочи, Воронеж, Владимир, Ливерпуль, Ярославль, Милан, Владивосток, Пенза, Иркутск, Новгород, Псков, Осака, Берлин, Белгород, Мадрид, Хельсинки, Углич, Неаполь, Тюмень, Новосибирск, Екатеринбург, Красноярск, Иркутск, Якутск, Улан-Удэ, Чите, Хабаровск, Варшава, Торжок, Тверь, Квебека, Архангельск, Рио-де-жанейро, Дальний Восток, Краков;

4. **Gidronyms - thủy danh (19 từ; 12%)**: Северный ледовитый океан, Москва - река, озеро Ладожское, озеро Онежское, Черное море, Северное море, Желтое море, Белое Море, река Лена, река Иртыш, река Обь, река Ока, река Кама, река Амур, река Енисей, озеро Байкал, Азовское море, река Нева, река Волга;

5. **Urbanonyms - phố danh (40 từ; 26%)**: парк Горьского, парк Победы, Московский кремль, собор Василия Блаженного, Спасская башня, Камергерский переулок, театральная площадь, улица Старая Арбат, станция «Арбатская», музей Москвы, Биг-Бен, Третьяковская галерея, статуя Свободы, Русский музей, Белый дом, музей имени А. С. Пушкина, Эйфелева башня, Новгородский Кремль, Красная площадь, музей Востока, Маринский театр, Летний сад, Большой театр, театр Волкова, Московский

Художественный театр, стадион Лужники, Софийский собор, памятник «тысячелетие России», Колизей, Лувр, Эрмитаж, Тверская улица, Невский проспект, Зубовский бульвар, Дворцовая площадь, Московский театр, Ясная Поляна, Преображенский собор, Московский Государственный университет, Музей Московского Государственного университета;

6. **Insulonoms - tên đảo (8 từ; 5,1%)**: Сахалин, остров Валаам, Остров Кизи, Остров Соловки, Соловецкий остров, Гавайские острова, Карибские острова, Канарские острова;

7. **Dromonyms - đạo danh (1 từ, 0,6%)**: дорога Транссиб.

Từ các số liệu trên cho thấy, Oikonoms (phương danh) chiếm tỷ lệ lớn nhất trong nhóm từ địa danh được đưa vào trong giáo trình. Điều này có thể giải thích là bởi vì những bài học đầu tiên của bất kỳ ngoại ngữ nào cũng đề cập tới các chủ đề “Bản thân”, “Gia đình”, “Du lịch”, ... Và khi đề cập tới các chủ đề này chúng ta không thể tránh khỏi việc nhắc tới tên của các thành phố, làng mạc, thôn quê – nơi con người sinh ra, lớn lên, học tập, sinh sống, làm việc và đi lại. “Không thể tưởng tượng được cuộc sống của xã hội hiện đại mà không có địa danh. Chúng có mặt khắp nơi và luôn đồng hành cùng suy nghĩ của chúng ta từ thời thơ ấu. Mọi thứ trên trái đất đều có địa chỉ riêng, địa chỉ này bắt đầu từ nơi sinh của con người. Từ làng quê, con đường, thành phố, đất nước mà con người sống - mọi thứ đều có tên riêng” [4].

2.1. Cấu trúc địa danh

Vấn đề cấu trúc, cách cấu tạo từ và đặc điểm của địa danh trong tiếng Nga được rất nhiều nhà nghiên cứu quan tâm như E.M. Murzaev, V.A. Nikonov, S. Rospond, M. Selishchev, G.P. Smolitskaya, A.I. Sobolevsky, A.V. Superanskaya, V.N. Toporov, O.I. Trubachev, I.S. Ulukhanov và nhiều tác giả khác.

Về bản chất thì địa danh có cấu trúc phức tạp hơn các từ loại khác trong tiếng Nga. Địa danh có thể là 1 từ, cũng có thể là một cụm từ. Cụm từ địa danh có thể gồm có 2 từ, cũng có thể nhiều hơn 2 từ.

Trong tài liệu “Hình thái và cấu trúc địa danh”, A. V. Superanskaya đã căn cứ vào các cách tạo từ để phân loại địa danh thành [5]:

- Địa danh đơn;
- Địa danh phức;
- Địa danh tổ hợp.

Sau khi phân tích các địa danh đã thống kê được, tác giả chia thành các nhóm cấu trúc sau:

a) Địa danh đơn (133 từ; 85,3%): Gồm các địa danh là một từ đơn chỉ có 1 gốc từ: Россия, Бразилия, Англия, Китай, Америка, Япония, Италия, Германия, Испания, Турция, Швейцария, Индия, Франция, Польша, Греция, Латвия, Колумбия, Корея, ...

Phân tích các từ cấu thành địa danh đơn được đưa vào trong giáo trình, tác giả rút ra kết luận rằng, các địa danh nói trên được hình thành từ danh từ (*Швейцария, Индия, Франция, Польша*), và tính từ (*Московский* кремль озеро *Онежское, Черное* море).

b) Địa danh phức (13 từ; 8,3%): gồm các địa danh là một từ được kết hợp bởi hai hoặc nhiều hơn gốc từ: *Транссиб, Красноярск, Новгород, Владивосток, Новосибирск, Екатеринбург, Великобритания, Нидерланды, Петербург, Москва – река, Нью-Йорк, Улан-Удэ, Биг-Бен, Рио-де-Жанейро, Владимир.*

Các địa danh phức trong giáo trình được cấu tạo bởi những sự kết hợp khác nhau sau đây:

- **Tính từ + danh từ:** *Новосибирск = новая + Сибирь; Красноярск = Красный + Яр; Новгород = новый + город, Нидерланды = нидер (нижние) + ланды (земли), Великобритания = великая + Британия; Нью-Йорк = Нью (New) + Йорк (York), Улан-Удэ = Удан (красный) + Удэ (Уда); Биг-Бен = Биг (big) + Бен (ben), Рио-де-Жанейро = январская + река;*

- **Động từ + danh từ:** *Владивосток: владеть + Востоком; Владимир = владеть + миром;*

- **Danh từ + danh từ:** *Екатеринбург: Екатерина + бург; Петербург: Пётр + бург, Транссиб: транспорт + Сибирь, Москва – река: Москва + река.*

c) Địa danh tổ hợp (10 từ; 6,4%): Là các địa danh bao gồm từ 2 từ trở lên: *Северный ледовитовый океан, Дальний Восток, собор Василия Блаженного, улица старая Арбат, Московский художественный театр, памятник «тысячелетие России», музей «Ясная Поляна», парковый ансамбль «летний сад», Московский Государственный университет, Музей Московского Государственного университета, музей имени А. С. Пушкина.*

Trong thành phần cấu tạo nên địa danh tổ hợp có thể là danh từ riêng (музей имени А. С. Пушкина, собор Василия Блаженного), cũng có thể là danh từ chung (парковый ансамбль Летний сад, город Дальний Восток).

Theo cách cấu tạo từ thì địa danh được chia thành 3 loại như trên, nhưng để dễ dàng cho người học nghiên cứu tiếng Nga tác giả gộp địa danh thành 2 nhóm cơ bản: Địa danh đơn từ (địa danh bao gồm 1 từ) và địa danh đa từ (địa danh từ hai từ trở lên).

2.2. Biến đổi địa danh

Địa danh trong tiếng Nga thường đi cùng với các thuật ngữ địa lý như: Thành phố, làng, xóm, sông, hồ ... và đóng vai trò đồng vị ngữ. Ví dụ, thành phố Matxcova (город Москва), sông Volga (река Волга), hồ Baikal (озеро Байкал), ... Địa danh sẽ biến đổi khi tham gia vào cấu tạo câu và có hình thái phù hợp với chức năng ngữ pháp trong câu. Tuy nhiên, điều này không phải lúc nào cũng xảy ra.

2.2.1. Các địa danh biến đổi

Địa danh biến đổi theo các phạm trù ngữ pháp chỉ trong trường hợp các địa danh này có nguồn gốc từ tiếng Nga, tiếng Slavo hoặc là các từ ngoại lai đã du nhập vào tiếng Nga từ rất lâu.

Ví dụ: в городе Москве, в городе Санкт-Петербурге, из города Киева; в деревню Ивановку, из деревни Ольховки, в селе Шушенском, под хутором Михайловским; у реки Волги, долина ручья Сухого.

Thông thường chúng ta vẫn sử dụng в Москве. Tuy

nhiên, phương án này chỉ dùng trong văn phong nói. Với văn phong nghiêm ngặt của tiếng Nga thì «в городе Москве» mới là phương án chính xác, được sử dụng chủ yếu trong văn bản hành chính; Còn phương án «в городе Москва» được coi là không tuân thủ các tiêu chuẩn của văn phong tiếng Nga.

Đối với những địa danh kết hợp 2 thành phần như Москва-река thì cả 2 phần đều biến đổi Москвы-реки, на Москве-реке, ... Tuy nhiên, trong văn nói chúng ta vẫn thường bắt gặp các trường hợp chỉ biến đổi bộ phận sau: за Москва-рекой, на Москва-реке и т. д. Cách dùng này không phù hợp với chuẩn mực văn phong.

2.2.2. Các địa danh không biến đổi

a) Địa danh đơn từ (địa danh được cấu tạo bởi 1 từ)

Mặc dù, tiếng Nga là ngôn ngữ biến hình, nhưng không phải tất cả các từ trong tiếng Nga đều biến đổi khi tham gia vào cấu tạo câu.

Khi kết hợp với các thuật ngữ địa lý, địa danh không biến đổi trong các trường hợp sau:

- Khi hình thái của địa danh ở dạng số nhiều: в городе Великие Луки, в городе Мытищи;

- Thuật ngữ địa lý và địa danh không cùng 1 giống: на реке Енисей, у реки Хопёр, в деревне Парфёнок (tuy nhiên quy luật này không áp dụng cho những địa danh kết hợp với từ город, vì thế chúng ta vẫn sử dụng: в городе Туле, из города Москвы).

Bên cạnh đó, tác giả còn tìm thấy sự không nhất quán trong sự biến đổi của một số địa danh giống trung có vĩ tố là -е, -о, cụ thể như: между селами Молодечно и Дорожно, в городе Видное.

Sở dĩ những địa danh này không biến đổi, là bởi vì nếu như biến đổi thì chúng ta sẽ rất khó khôi phục hình thái ban đầu. Ví dụ: в городе Видном – chúng ta sẽ khó có thể xác định đây là thành phố Видный hay là Видное?.

Theo từ điển địa danh của A. V. Superanskaya [6], địa danh không biến đổi khi kết hợp với các thuật ngữ địa lý sau: болото (đầm lầy), бухта (vịnh nhỏ), горы (núi) государство (quốc gia), долина (thung lũng), залив (vịnh), застава (đồn), земля (như một đơn vị hành chính), кишлак (làng, bản), ключ (mạch nước), колодец (giếng), королевство (vương quốc), местечко (thị trấn), месторождение (mỏ), мыс (mũi đất), область (tỉnh), озеро (hồ), округ (khu), остров (đảo), перевал (đèo), плато (cao nguyên), плоскогорье (cao nguyên), плотина (đập đê), площадь (quảng trường), полуостров (bán đảo), поселок (xóm), провинция (tỉnh), пролив (vịnh), промысел (mỏ), район (như một đơn vị hành chính), селение (thôn), станция (trạm, ga), урочище (ranh giới tự nhiên), хребет (dãy núi), утат (như hành chính lãnh thổ đơn vị). Tuy nhiên khi địa danh là một tính từ thì vẫn biến đổi bình thường: на Красной площади, на Онежском озере, в Сиднейской бухте.

b) Địa danh đa từ (địa danh được cấu tạo từ 2 từ trở lên)

Chúng tôi quan niệm rằng, “địa danh đa từ” là địa danh gồm có hai từ, tức là địa danh là một cụm từ. Khi địa danh là một cụm từ thì sẽ không biến đổi dù có hình thái ở dạng số ít hay số nhiều. Cũng theo «từ điển địa danh» của A. V.

Superanskoy, những tên gọi này cũng không biến đổi khi kết hợp với các thuật ngữ địa lý: *в городе Великие Луки, из города Минеральные Воды, в городе Старый Крым, из города Великий Устюг, в городе Старый Оскол, над городом Лодейное Поле* [6].

Địa danh có nguồn gốc từ tiếng slavo có vĩ tố từ là -ово, -ево, -ино, -ыно không biến đổi khi đi cùng các thuật ngữ địa lý: *из района Люблино, в сторону района Строгино, к району Митино, в городе Иваново, из деревни Простоквашино, до края Косово*. Trong trường hợp không đi cùng các thuật ngữ địa lý thì có thể biến đổi hoặc không: *в Люблине и в Люблино, в сторону Строгины и в сторону Строгино, в Иваново и в Иваново, из Простоквашина и из Простоквашино, до Косова и до Косово, к Митину и к Митино, 8-й микрорайон Митина и 8-й микрорайон Митино*. Trường hợp biến đổi xảy ra để phù hợp với yêu cầu nghiêm ngặt của quy tắc văn phong ngôn của ngữ. Từ điển của L. K. Graudinoi, V. A. Itskovicha và L. P. Katlinskoy [7] «Quy luật ngữ pháp của tiếng Nga» chỉ ra rằng: «Theo chuẩn quy tắc văn phong (sân khấu, truyền hình, phát thanh) thì cần phải biến đổi». Ở đây muốn nói tới các địa danh có nguồn gốc từ tiếng slavo với vĩ tố từ là -ово, -ево, -ино, -ыно khi không đi kèm các thuật ngữ địa lý.

Các địa danh có vĩ tố từ là: -ов (-ев), -ово (-ево), -ин, -ино (-ыно) khi biến đổi sang cách 5 sẽ thêm vĩ tố -ом, ví dụ: *Львов – Львовом, Канев – Каневом, Крюково – Крюковом, Камышин – Камышином, Марьино – Марьином, Голицыно – Голицыном*. Khác với tên gọi của các thành phố, họ của người Nga khi có vĩ tố là -ин (-ын), -ов (-ев) sang cách 5 sẽ cộng thêm -ым. Hãy so sánh: *Пушкин (họ) → Пушкиным и Пушкин (thành phố) → Пушкином; Александров (họ) → Александровым и Александров (thành phố) → Александровом*.

Trong trường hợp địa danh là một từ ghép gồm nhiều yếu tố thì khi thực hiện chức năng ngữ pháp trong câu thường sẽ biến đổi yếu tố đầu: *из Камня-Каширского, в Переяславле-Залесском, в Могилеве-Подольском, в Ростове-на-Дону*.

Đối với những địa danh mà yếu tố đầu tiên có hình thái của giống chung thì sẽ không biến đổi khi tham gia cấu tạo câu: *из Лукино-Дулева, в Соболево-на-Камчатке*.

2.3. Ảnh hưởng của địa danh trong giáo trình tới việc học tiếng Nga

2.3.1. Yếu tố chuyên ngành

Như tác giả đã trình bày ở phần đầu, hiện tại khoa tiếng Nga Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng đang đào tạo hai chuyên ngành là cử nhân tiếng Nga và cử nhân tiếng Nga du lịch. Nói đến du lịch thì đương nhiên chúng ta không thể không nói tới địa danh. Không có địa danh thì chắc chắn sẽ không có du lịch, không thể quảng bá du lịch càng không thể làm kinh tế du lịch.

Đối với du lịch Việt Nam, Nga hiện đứng đầu các thị trường khách du lịch quốc tế tại châu Âu đến Việt Nam mỗi năm. Theo tờ báo VnEconomy, tính chung 11 tháng năm 2019, khách quốc tế đến Việt Nam ước tính đạt gần 16,3 triệu lượt người, tăng 15,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó khách đến từ Liên bang Nga đạt

585,6 nghìn lượt người, tăng 6,1% [8].

Không chỉ có lượng khách Nga đến Việt Nam tăng vọt, mà Nga cũng ngày càng trở thành điểm đến hấp dẫn đối với khách du lịch Việt Nam. Theo thống kê của Rosstat - cơ quan thống kê của chính phủ Nga, trong năm 2019, du khách Việt Nam đến Nga tăng 20%, với khoảng 54.000 lượt người [9]. Ngày 22 tháng 5 năm 2019 “Người đứng đầu Cơ quan Du lịch Liên bang Zarina Doguzova và Thứ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Việt Nam Trịnh Thị Thủy đã ký giắc thư về việc hợp tác giữa hai nước trong lĩnh vực du lịch ở giai đoạn 2019-2024. Theo nội dung văn kiện, hai nước sẽ hỗ trợ song phương để việc phát triển du lịch trong và ngoài nước, quảng bá sản phẩm du lịch, trao đổi kinh nghiệm và thông tin về chiến lược marketing của nhà nước đối với lĩnh vực du lịch và kêu gọi sự tham gia của các tổ chức du lịch của cả hai nước trong các triển lãm quốc tế cũng như các sự kiện chuyên ngành ở cả Nga và ở Việt Nam” [10].

Điều đó cho thấy, một triển vọng mới đang mở ra đối với những người học tiếng Nga ở Việt Nam, nhất là trong lĩnh vực du lịch. Vì thế việc nghiên cứu tiếng Nga cần phải được định hướng chuyên nghiệp. Đưa địa danh vào chương trình học tiếng Nga cho người học ngay từ khi bắt đầu như một bước chuẩn bị để người học bắt đầu làm quen với chuyên ngành tiếng Nga du lịch.

2.3.2. Giới thiệu bức tranh toàn cảnh

Giới thiệu địa danh trong chương trình học tiếng Nga không chỉ giúp người học có được kỹ năng đọc đúng và viết đúng các địa danh bằng tiếng Nga mà còn cho người học thấy được bức tranh toàn cảnh về nước Nga.

Trong giáo trình “Mùa nước Nga/ Русский сезон” mà tác giả đang giảng dạy có nhiều bài khóa giới thiệu về các địa danh Nga, từ đó người học có thể phân nào hình dung được đất nước Nga qua những địa điểm, các danh lam thắng cảnh.

Ví dụ, bài №18 trang 128 (tranh bên dưới), các tác giả đã giới thiệu với người học các địa danh nổi tiếng của Nga, như Nhà hát lớn, Quảng trường Cung điện, hồ Baikal, viện bảo tàng Nga, sông Yenisei, đại lộ Nevsky qua những hình ảnh trực quan sinh động.



Hình 1. Một số địa danh nổi tiếng ở Nga [11]

Hay như ở bài 3 trang 285 các tác giả đưa vào 1 bài khóa giới thiệu về tour du lịch tham quan các địa điểm nổi tiếng ở thành phố Matxova: Quảng trường Đỏ, Điện Kremli, phố cổ Arbat, công viên Gorki, Quảng trường Chiến thắng, Nhà thờ chính tòa Thánh Vasily, Trường Đại học Quốc gia

Matxcova, đôi Chim sẻ, tượng đài Lomonoxov, nhà hát Nghệ thuật Matxcova, nhà hát Lớn, sân vận động Luzhniki, vườn thực vật. Thông qua các địa danh, cả thành phố Matxcova như hiện ra trước mắt người đọc.

Hay trong bài 10 trang 292 là một hành trình tour từ Matxcova đến Siberia. Chuyến đi bắt đầu từ nhà ga Yaroslavsky của Matxcova, qua các thành phố Yekaterinburg, Tyumen, Omsk, Novosibirsk, Krasnayarsk, Irkutsk, Ulan-ye, Khabarovsk, ... và kết thúc tại thành phố Vladivostok. Chuyến đi di chuyển qua tất cả 87 thành phố, 16 con sông: Volga, Oka, Kama, Irtush, Obi, Yenisei, Amur, ... Ngoài ra, trong bài đọc còn đề cập đến cả dãy núi Ural – ranh giới châu Âu và châu Á của nước Nga và hồ Baikal – hồ nước ngọt sâu nhất thế giới. Các địa danh lần lượt xuất hiện trong bài khiến cho hình ảnh đất nước Nga xa lạ, rộng lớn từ từ hiện lên trong trí tưởng tượng của người học một cách gần gũi và thân quen. Sự có mặt của các địa danh trong giáo trình hoàn toàn không phải là ngẫu nhiên, tất cả đều là ý đồ của tác giả. Chính sự góp mặt của các địa danh đã làm gia tăng sự thú vị cho bài học, khơi gợi sự thích thú cho sinh viên và điều quan trọng nhất là đem hình ảnh nước Nga đến gần với những người học tiếng Nga.

Trên đây tác giả chỉ nêu ra một vài ví dụ về cách mà các tác giả trong giáo trình “Mùa nước Nga/ Русский сезон” đã khéo léo tái hiện hình ảnh nước Nga qua các bài đọc. Từ đó cho thấy, địa danh là cách quảng bá tốt nhất để đem hình ảnh của đất nước bản ngữ đến gần với người học ngôn ngữ.

2.3.3. Làm rõ thông tin

Khi nghiên cứu bất kỳ ngôn ngữ nào, chúng ta cũng gặp các câu hỏi Кто (ai)?; Что (cái gì)?; Куда (đi đâu)?; Где (ở đâu)?; Почему (tại sao)?; Зачем (để làm gì)?; Откуда (đến từ đâu)?; Какой (nào)?; Как (như thế nào)?; Когда (khi nào)?; ... có tới 5 trong số các câu hỏi đó khi trả lời chúng ta có thể phải dùng tới các danh từ địa danh. Ví dụ:

- Что это? – Это Красная площадь.
(*Đây là cái gì? – Đây là Quảng trường đỏ*)
- Куда ты едешь? – на Арбат.
(*Bạn đang đi đâu đấy? – Ra phố Arbat*)
- Где ты была на летних каникулах? – в Сочи.
(*Mùa hè bạn đã ở đâu? – ở Sochi.*)
- Откуда ты приехал? – из Франции.
(*Bạn đến từ đâu vậy? – từ Pháp*)
- Какой это город? – это Москва.
(*Đây là thành phố nào? – đây là Matxcova*)

Từ các ví dụ trên cho thấy, địa danh tồn tại trong cuộc sống của chúng ta như một điều hiển nhiên không thể tránh khỏi. Tất cả các hoạt động sống thường nhật của con người đều diễn ra tại các địa điểm khác nhau. Chúng được phân biệt với nhau bằng những tên gọi mà chúng ta gọi là địa danh. Nhờ chức năng định vị của địa danh mà thông tin chúng ta truyền đi chính xác, rõ ràng. Ví dụ: «Привет Лара! Увидимся завтра в 3 часа вечера в кафе. Да встречим!» (*Chào Lara! Ngày mai gặp nhau vào lúc 3h tại quán café nhé. Hẹn gặp lại!*). Sau khi đọc được mẫu tin này, ngay lập tức người đọc sẽ đặt ra nghi vấn: “Quán café nào? Quán café ở đâu? Trên đường phố nào? ... Từ đó cho

thấy, sự vắng mặt của địa danh sẽ làm cho thông tin của chúng ta mơ hồ, không chính xác.

2.3.4. Địa danh trong các thành ngữ

Học tiếng Nga là chúng ta đang tiếp cận với văn hóa Nga, mà thành ngữ là kho tàng văn hóa vĩ đại, là giá trị bất biến của bất kỳ ngôn ngữ nào. Nó giống như tấm gương phản ánh lịch sử và kinh nghiệm lâu đời về hoạt động sản xuất, giá trị đạo đức, tinh thần, quan điểm tôn giáo và tín ngưỡng của nhân dân. Khi đọc tài liệu, hay khi giao tiếp với người bản ngữ, người học không tránh khỏi việc bắt gặp các thành ngữ bằng tiếng Nga. Cũng giống như trong tiếng Việt, trong các thành ngữ Nga vẫn thường xuyên có sự góp mặt của các địa danh. Và sẽ là thiếu sót nếu như học ngoại ngữ mà người học không hiểu và không biết sử dụng thành ngữ của người bản ngữ, bởi vì sử dụng thành ngữ đúng lúc và kịp thời sẽ làm tăng giá trị lời nói. Tuy nhiên, để có thể sử dụng thành ngữ đúng, đòi hỏi người dùng phải hiểu chính xác nội dung thông điệp mà dân gian muốn truyền tải qua thành ngữ.

Trong quá trình học tiếng Nga, sinh viên sẽ bắt gặp một số thành ngữ như: «Москва не сразу строилась» (*Matxcova không tự dựng mà có*); «В Тулу со своим самоваром не ездят» (*Người ta không đem ấm samovar đến Tula*); «Все дороги ведут в Рим» (*Mọi con đường đều dẫn đến thành Rome*), ..., nhưng nếu như không có kiến thức về địa danh thì khó có thể hiểu được ý nghĩa của các thành ngữ này.

Ví dụ: Tại sao trong câu “В Тулу со своим самоваром не ездят” (*Người ta không đem ấm samovar đến Tula*), lại sử dụng cụm từ “в Тулу” (về Tula) mà không phải “в Москву” (về Matxcova) hay là một nơi nào khác? Tula là một thành phố công nghiệp lớn cách Matxcova 180 km về phía Nam. Trước cách mạng thành phố này nổi tiếng về sản xuất vũ khí và đồ gia dụng bằng kim loại, đặc biệt là ấm samovar (một loại bình chứa nước truyền thống ở Nga, được dùng để đun nóng hoặc trữ nước). Trong ngữ cảnh này chúng ta có thể hiểu rằng, Tula là xứ sở của ấm samovar, vì thế việc mang ấm samovar về Tula là một hành động vô nghĩa, không cần thiết. Thành ngữ này của người Nga có nghĩa ý hoàn toàn tương đồng với câu “chờ gỗ về rừng” của người Việt.

3. Bình luận

Từ năm học 2019-2020 khoa tiếng Nga Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng đã áp dụng giáo trình “Mùa nước Nga/ русский сезон” để dạy cho sinh viên năm nhất. Trước đây, tác giả vẫn dùng giáo trình “Tiếng Nga cho mọi người/ Русский язык для всех” để giảng dạy. Giáo Trình mới được áp dụng một học kỳ, nhưng đã đem lại những tín hiệu khả quan: Sinh viên say mê hơn với ngôn ngữ mới, có sự tìm tòi, học hỏi và đi học chuyên cần hơn.

Khi nghiên cứu về địa danh để chuẩn bị cho các tiết học, tác giả đã rút ra được một số các nguyên tắc giảng dạy liên quan đến địa danh như sau:

1. Nguyên tắc trực quan - người dạy cần đảm bảo không chỉ về phương diện truyền đạt hiệu quả các thông tin về địa danh, mà còn về phương diện hình ảnh, để người học có thể tiếp nhận các địa danh một cách cụ thể nhất, có nghĩa

là trong quá trình dạy học người dạy có thể dùng tranh ảnh, slides, video giới thiệu về các địa danh. Bằng cách này người học sẽ dễ dàng nhận diện các địa danh.

2. *Nguyên tắc hiệu quả* - người dạy cần phải tính đến mức độ thành thạo ngôn ngữ, cũng như vốn kiến thức đòi hỏi người học phải có trong lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp tương lai liên quan tới kiến thức lịch sử, văn hóa, để từ đó căn định lượng kiến thức giảng dạy phù hợp.

3. *Nguyên tắc liên hệ lý thuyết với thực tiễn* – liên hệ địa danh với các đặc điểm văn hóa, lịch sử và địa lý của vùng. Tức là khi nói đến một địa danh nào đó, thì người dạy cần phải giới thiệu các đặc điểm về văn hóa, lịch sử, địa lý của đối tượng địa lý đó. Ví dụ, khi nói đến Siberia, người học cần phải biết đây vùng đất rộng lớn gần như nằm trọn trong nước Nga, chiếm gần toàn bộ phần Bắc Á; là khu vực dân cư thưa thớt nhất trên Trái Đất; Ngoài ra, Siberia còn nổi tiếng với mùa đông dài và khắc nghiệt, và cũng là nơi mà chính phủ Nga và Liên Xô trước đây đã xây các nhà tù, trại cải tạo để lưu đày những tù nhân chính trị trong lịch sử.

4. *Nguyên tắc liên tục và kế thừa* - đảm bảo trình tự truyền tải kiến thức phải đi từ đơn giản đến phức tạp, giúp người học trang bị kiến thức nền về địa danh Nga.

Để tăng tính hiệu quả tác giả đề xuất một số bài tập phát triển và củng cố kiến thức địa danh cho người học. Dưới đây là một số dạng bài tập:

- Xác định vị trí trên bản đồ của các thành phố nằm trong vành đai vàng của Nga. Viết tên các thành phố này theo thứ tự bằng chữ cái.

- Thiết lập hành trình tour bằng tàu thủy dọc theo sông Volga. Viết tên của các thành phố nơi con tàu sẽ dừng lại. Tìm các thông tin về các thành phố này.

- Hãy tưởng tượng mình là một hướng dẫn viên và hãy chuẩn bị một bài giới thiệu với chủ đề “Địa điểm thú vị nhất ở Mátxcova”, “Địa điểm thú vị nhất ở St. Petersburg”, ...

- Sử dụng bản đồ phác thảo yêu cầu người học viết đúng vị trí của một số địa danh và giải thích ý nghĩa của địa danh này.

Các dạng bài tập này có tác dụng:

- Giúp người học tích lũy kiến thức về ngôn ngữ;

- Phát triển các kỹ năng viết đúng, phát âm đúng các địa danh và trình bày vấn đề bằng tiếng Nga;

- Có được hình dung về các đặc điểm tự nhiên và lịch sử của các địa danh Nga.

4. Kết luận

Tiếng Nga là một trong những ngôn ngữ khó nhất thế giới. Khó không chỉ bởi vì chữ viết, cách phát âm hoàn toàn khác lạ với tiếng Việt, mà còn bởi vì những quy tắc ngữ pháp phức tạp gây ra những khó khăn, nhất định cho sinh viên. Dựa vào những thực tế khó khăn, những bất cập trong quá trình học tiếng Nga của sinh viên tác giả cho rằng, cần thiết phải áp dụng những giải pháp, những tiếp cận mới để cải thiện và khắc phục những khó khăn đó. Do vậy, người dạy đóng một vai trò hết sức quan trọng trong việc tạo cảm hứng

cho sinh viên nhằm mang lại thành công cho giờ học. Ngoài những kiến thức về ngôn ngữ, người dạy cần phải có trách nhiệm quảng bá nước Nga tới người học để khơi gợi tình yêu của người học với nước Nga, qua đó các em có động lực nghiên cứu tiếng Nga, vượt qua được những khó khăn ban đầu khi tiếp xúc với một ngôn ngữ mới. Và tất nhiên việc giới thiệu về một đất nước không thể không nhắc tới các địa điểm nổi tiếng, những danh lam thắng cảnh, những di tích lịch sử, ... ở đây tác giả muốn nói tới các địa danh. Điều này cho thấy, địa danh đóng vai trò không hề nhỏ trong việc tạo cảm hứng cho những người mới bắt đầu học tiếng Nga.

Tác giả cho rằng, giải pháp đưa ra là hoàn toàn có khả năng đưa vào giảng dạy. Cụ thể, tác giả đang thực nghiệm giảng dạy môn Đọc - Viết 1 và 2 cho sinh viên Khoa tiếng Nga giai đoạn đầu và đã thu được những kết quả đáng ghi nhận: Người học hứng thú hơn với các tiết học, thích thú tìm hiểu về đất nước Nga cũng như địa danh của Nga, chất lượng học tập của sinh viên được nâng lên rõ rệt, đi học chuyên cần và đầy đủ hơn.

Địa danh có ảnh hưởng không chỉ về mặt kiến thức ngôn ngữ, mà còn cả về mặt tinh thần của người học. Quan trọng là người dạy cần phải nghiên cứu kỹ từng bài dạy, từng đặc điểm bộ môn và đối tượng người học để đưa địa danh vào trong các bài giảng sao cho người học không những được bổ sung về mặt kiến thức ngôn ngữ mà còn say mê trong việc nghiên cứu tiếng Nga, bồi dưỡng kỹ năng tiếng và tìm hiểu về đất nước, văn hóa, con người Nga, đáp ứng được nhu cầu việc làm tiếng Nga trong bối cảnh hợp tác Việt – Nga đang mở ra những triển vọng mới như giai đoạn hiện nay./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Басик С. Н. Общая топонимика: Учебное пособие для студентов географического факультета. - Мн.: БГУ, 2006.
- [2] Никольский А.А., Кононенко Л.А., Хрусталёв И.Н. Топонимы Рязанской области: учебное пособие. Ряз. гос. ун-т им. С.А. Есенина. - Рязань, 2009.
- [3] Подольская Н. В. Словарь русской ономастической терминологии. Изд. 2-е, перераб. и доп. / А. В. Суперанская. - М.: Наука, 1978.
- [4] Жучкевич В.А. Общая топонимика: [учебное пособие] / В.А. Жучкевич. – Минск: Изд. 3-е. Высшая школа, 1980.
- [5] Суперанская А.В. Типы и структура географических названий. - В кн.: «Лингвистическая терминология и прикладная топонимика». - М., 1964.
- [6] Суперанская А. В. Словарь географических названий. М., 2013.
- [7] Граудина Л. К., Ицкович В. А., Катлинская Л. П. Словарь грамматических вариантов русского языка. 3-е изд., стер. М., 2008.
- [8] Duyên Duyên - “Du lịch đạt kỷ lục mới, gần 16,3 triệu khách quốc tế đến Việt Nam”. VNECONOMY. 2019.
- [9] «Ростуризм и Министерство культуры, спорта и туризма Вьетнама подписали «Ростуризм и Министерство культуры, спорта и туризма Вьетнама подписали меморандум о сотрудничестве». Федеральное агентство по туризму - Министерство экономического развития Российской Федерации. 2019.
- [10] «Ростуризм и министерство туризма Вьетнама подписали меморандум о сотрудничестве». Интерфакс-Туризм. 2019.
- [11] Нахабина М. М., Антонова В. Е., Жабоклицкая И. И. и др. Русский сезон. Учебник по русскому языку. Элементарный уровень / - Златоуст Санкт-Петербург, 2015.